



## Khung trình độ Úc

<b>Trình độ</b>	<b>Miêu tả</b>	<b>Loại văn bằng</b>
Cấp 1	Sinh viên ở trình độ này sẽ có kiến thức và kỹ năng thực hiện các công việc cơ bản, đóng góp các hoạt động xã hội hoặc tiếp tục học lên cao hơn.	Chứng nhận I
Cấp 2	Sinh viên ở trình độ này có kiến thức và kỹ năng thực hiện công việc trong bối cảnh xác định và/hoặc có thể học lên cao hơn.	Chứng nhận II
Cấp 3	Sinh viên ở trình độ này sẽ có kiến thức lý thuyết và thực tiễn cũng như kỹ năng chuyên ngành phục vụ cho công việc và/hoặc học lên cao hơn	Chứng nhận III
Cấp 4	Sinh viên ở trình độ này sẽ có kiến thức lý thuyết và thực tiễn cũng như kỹ năng chuyên ngành phục vụ cho công việc và/hoặc học lên cao hơn.	Chứng nhận IV
Cấp 5	Sinh viên ở trình độ này sẽ có kiến thức và kỹ năng chuyên ngành phục vụ cho các công việc trợ lý cao cấp và/hoặc học lên cao hơn.	Chứng chỉ
Cấp 6	Sinh viên tốt nghiệp ở trình độ này sẽ có kiến thức rộng cũng như các kỹ năng phục vụ cho các công việc trợ lý cao cấp và/hoặc học lên cao hơn.	Chứng chỉ Nâng cao / Bằng Liên thông
Cấp 7	Sinh viên ở trình độ này sẽ có kiến thức rộng, toàn diện cũng như kỹ năng làm việc chuyên nghiệp và/hoặc học lên cao hơn.	Bằng Cử nhân
Cấp 8	Sinh viên ở trình độ này sẽ có kiến thức và kỹ năng ở trình độ cao, thích hợp làm các công việc chuyên môn đòi hỏi kỹ năng và/hoặc học lên cao hơn.	Bằng Cử nhân Danh dự / Chứng nhận Học nghề/ Chứng chỉ Học nghề
Cấp 9	Sinh viên ở trình độ này sẽ có kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu về nghiên cứu, và/hoặc ứng dụng chuyên nghiệp và/hoặc học lên cao hơn.	Bằng Thạc sĩ
Cấp 10	Sinh viên ở trình độ này sẽ có kiến thức sâu sắc và hết lòng về một lĩnh vực học thuật phức tạp và chuyên môn hóa các kỹ năng nghiên cứu để phục vụ cho giáo dục nâng cao và/hoặc ứng dụng chuyên nghiệp.	Bằng Tiến sĩ

## Bảng Đánh giá

Trong bảng phía dưới, cột bên trái liệt kê các bằng cấp nước ngoài với trình độ tương tự trong khung trình độ quốc gia và Châu Âu. Cột bên phải liệt kê các trình độ tương ứng trong khung trình độ châu Âu (EQF).

<b>Văn bằng / Chứng chỉ và Trình độ AQF</b>		<b>Trình độ EQF</b>
Chứng nhận Trung học / Chứng nhận Trung học Queensland / Chứng nhận trung học Nam Úc/ Chứng nhận Trình độ hoặc Chứng nhận Giáo dục Tasmanian / Chứng nhận Giáo dục Victoria / Chứng nhận Giáo dục Tây Úc / Chứng nhận ACT Lớp 12 / Chứng nhận Giáo dục Lãnh thổ Bắc	-	4
Chứng chỉ / Chứng chỉ Nâng cao (ở bậc đại học)	5/6	5
Chứng chỉ Tốt nghiệp (1 đến 2 năm)	8	>6 / >7
Bằng Cử nhân	7	6
Bằng Cử nhân Danh dự	8	6
Bằng Thạc sĩ	9	7

Lưu ý:

- Thông tin cung cấp trong bảng chỉ nhằm mục đích giới thiệu chung, không nhằm phát sinh quyền.
- EQF = European Qualification Framework = Khung Trình độ Châu Âu.
- AQF = Australian National Framework of Qualifications = Khung trình độ Quốc gia Úc.

## **I. Giới thiệu**

Khối thịnh vượng chung Úc bao gồm toàn bộ đại lục châu Úc và đảo Tasmania, với dân số khoảng 21 triệu người. Ngay từ thuở sơ khai, Úc đã là đất nước của những người di cư. 23% dân số được sinh ra tại nước ngoài, và ít nhất 27% dân số có bố hoặc mẹ là người ngoại quốc. Phần lớn dân di cư có nguồn gốc từ Châu Âu, vài thập kỷ gần đây đã có dòng người di cư từ các nước Châu Á.

Úc được chia thành 6 tiểu bang (New South Wales, Queensland, Tây Úc, Nam Úc, Tasmania và Victoria) và 2 lãnh thổ nội địa (Lãnh thổ Bắc và Lãnh thổ Thủ đô Úc), với 3 cấp chính quyền: liên bang, tiểu bang bang/lãnh thổ và địa phương. Tại Úc, chính quyền bang/lãnh thổ và liên bang cùng chịu trách nhiệm về vấn đề giáo dục (cấp liên bang có Sở Giáo dục, Việc làm và Quan hệ Lao động; Sở Công nghiệp, Cải cách, Khoa học, Nghiên cứu và Giáo dục Đại học, Cao đẳng (DIISRTE)). Chính phủ Liên bang sẽ chịu trách nhiệm tài trợ chung và phân bổ trong ngành giáo dục, còn chính quyền tiểu bang sẽ tiến hành dự toán ngân sách cho các trường học. Các mục tiêu giáo dục quốc gia sẽ được quyết định trong các phiên hội đàm chung. Vào năm 1995, Khung Trình độ Úc (AQF) đã được ban hành với tất cả các loại hình giáo dục không bắt buộc (độ tuổi bắt đầu là khoảng 15 -16 tuổi). AQF đã phân biệt 3 mảng giáo dục khác nhau: mảng Trường học, mảng Dạy và Đào tạo Nghề và mảng Giáo dục Đại học. Một mục tiêu quan trọng của AQF là tạo điều kiện thuận lợi để liên thông giữa các mảng (các hướng đi linh hoạt), và thúc đẩy sự công nhận của một loạt các loại hình học tập và làm việc.

Các tiểu bang và vùng lãnh thổ đều có Sở giáo dục riêng, chuyên phụ trách các trường tiểu học và trung học thuộc Nhà nước. Các Sở giáo dục tự ban hành các chính sách riêng về việc tổ chức trường học, giáo trình (đã được phê duyệt), đánh giá học sinh/giáo viên, các loại chứng chỉ, giáo dục từ xa, giáo dục đặc biệt, xét tuyển đối với học sinh quốc tế và sự phân bổ nguồn lực cũng như việc điều phối dự án.

Việc đi học là bắt buộc đối với trẻ từ 6 đến 16 tuổi. Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong giảng dạy là Tiếng Anh.

Năm học đối với cấp tiểu học và trung học ở Úc trùng với lịch năm, bắt đầu từ Tháng 1 hoặc Tháng 2 và kết thúc vào Tháng 11 hoặc Tháng 12.

## **II. Giáo dục Tiểu học và Trung học**

Giáo dục bậc Tiểu học ở Úc thường kéo dài 6 đến 7 năm tùy thuộc vào khu vực và tiếp sau đó, bậc trung học sẽ kéo dài 6 hoặc 5 năm. Tính đến khi tốt nghiệp trung học phổ thông, học sinh sẽ phải hoàn thành tổng cộng 12 năm học của hai bậc học đầu tiên này.

Bậc trung học sẽ bắt đầu ở lớp 6 hoặc lớp 7, bao gồm 2 giai đoạn: Trung học Cơ sở, kết thúc vào năm lớp 10, và Trung học Phổ thông vào năm lớp 11 và 12. Các môn học trong 2 năm đầu tiên là các môn chung, bắt buộc đối với tất cả học sinh. Học sinh cần học ít nhất 6 môn trong mỗi kỳ học. Các môn học chính bao gồm Tiếng Anh, Toán, Vật lý, Xã hội học, Môi trường, Ngoại ngữ, Công nghệ và các môn sáng tạo. Chứng chỉ sẽ chỉ được cấp sau năm thứ 10 tại tiểu bang New South Wales (NSW) và lãnh thổ Thủ đô Úc (ACT),

với tên gọi lần lượt là “Chứng chỉ của Trường” tại NSW và “Chứng chỉ Năm 10 ACT” tại ACT.

2 năm cuối của bậc trung học (lớp 11 và 12) rất quan trọng để quyết định cơ hội của học sinh khi xét tuyển vào đại học. Học sinh có thể học theo chương trình dạy nghề, chương trình phổ thông hoặc dự bị đại học, tùy theo sở trường cá nhân và nguyện vọng. Các thuật ngữ, đặc điểm của từng môn học và hệ thống đánh giá tại mỗi tiểu bang và vùng lãnh thổ đều khác nhau, vậy nên rất khó để có thể trình bày chi tiết về từng hệ thống tại đây. Trong nhiều trường hợp, kết quả trên chứng chỉ được đính kèm với giải thích về hệ thống đã sử dụng. Ngoài ra, rất nhiều thông tin cụ thể hơn về chủ đề này có thể tìm đọc trực tuyến.

Chương trình dự bị đại học thường phân tích các tài liệu rất chi tiết, giúp học sinh thêm sẵn sàng cho các chương trình đại học sau này. Học sinh thường chọn các môn học tương ứng với chương trình đại học. Điểm chính thức thường được đánh giá dựa trên các bài kiểm tra tại trường (cùng với một vài tiêu chí khác), tuy nhiên đa số các tiểu bang cũng sử dụng thêm một số hình thức kiểm định chất lượng khác (các kỳ đánh giá toàn bang hoặc sự giám sát của chính phủ nước ngoài).

Vào cuối năm lớp 12, học sinh sẽ được nhận một chứng chỉ. Danh sách dưới đây cung cấp một cái nhìn tổng quan về các thuật ngữ được sử dụng tại các tiểu bang/vùng lãnh thổ khác nhau cho chứng chỉ cuối khóa này:

- New South Wales: Chứng nhận Tốt nghiệp Trung học
- Queensland: Chứng nhận Giáo dục Queensland
- Nam Úc: Chứng nhận Giáo dục Nam Úc
- Tasmania: trước năm 2009: Chứng nhận Giáo dục Tasmania; sau năm 2009: Chứng nhận Trình độ Chuyên môn hoặc Chứng nhận Giáo dục Tasmania
- Victoria: Chứng nhận Giáo dục Victoria
- Tây Úc: Chứng nhận Giáo dục Tây Úc
- Lãnh thổ Thủ đô Úc: Chứng nhận Lớp 12 ACT
- Lãnh thổ Bắc: Chứng nhận Giáo dục Lãnh thổ Bắc

Các chứng chỉ đã đạt được nên được đánh giá độc lập, cùng với điểm xét tuyển đại học. Xem thêm ở mục Xét tuyển Đại học.

Chính phủ Úc đang phát triển một giáo trình trung học phổ thông mới, mà trong tương lai gần sẽ tạo nên một bằng Giáo dục Phổ thông Úc uy tín, chất lượng, tương đương với Chứng chỉ Giáo dục Phổ thông Bậc cao (A-level) của Anh và Bằng Phổ thông trung học tại Pháp. Dự kiến bộ giáo trình mới và đầy thử thách này sẽ được đưa vào giảng dạy vào năm 2015/2016.

### **III. Xét tuyển Đại học**

Các học sinh khi xét tuyển vào đại học sẽ được nhận điểm xét tuyển đầu vào – TES (hoặc các loại điểm tương đương tùy theo từng bang). Để đủ điều kiện nhận điểm TES,

học sinh cần đạt đủ các yêu cầu về chương trình học và cấp học, còn điểm tổng kết sẽ quyết định học sinh đó có thể được nhận vào trường đại học nào. Những học sinh với điểm TES cao là những người đã có sự chuẩn bị để xét tuyển vào các trường đại học ở Úc, và đã đạt được trình độ tương đương với văn bằng HAVO tại Hà Lan hoặc văn bằng VWO.

Nhiều trường hợp, việc xét tuyển đại học được dựa vào kết quả học tập năm lớp 11, 12 và điểm xét tuyển đại học (TES) được cấp bởi tiểu bang/vùng lãnh thổ. Mỗi tiểu bang và vùng lãnh thổ đều có phương thức tính điểm xét tuyển riêng, và các trường đại học sẽ sử dụng điểm này để quyết định việc đỗ, trượt của học sinh. Các tiêu chí xét điểm TES đạt yêu cầu thường rất khác nhau, tùy thuộc vào trường đại học và chương trình học. Ví dụ, một điểm TES ở mức 60 có thể đủ điều kiện đăng ký rất nhiều chương trình học tại Nam Úc, nhưng để được nhận vào một chương trình với số người học hạn chế thì sẽ cần một số điểm khoảng 90. Tất cả các trường Đại học tại Úc đều chấp nhận điểm/xếp hạng/thông tin của các tiểu bang và vùng lãnh thổ khác. Với các ứng viên không thể hoàn thành kết quả lớp 12 hoặc chứng chỉ TES, vẫn có rất nhiều con đường khác để lên bậc đại học, có thể kể đến như hoàn thành một năm Cơ sở, kết hợp chứng chỉ Dạy và Đào tạo Nghề với/hoặc chứng nhận kết quả học tập trước đó (RPL).

Việc xét tuyển đại học tại Úc dựa trên một hệ thống hạn ngạch. Vì vậy đa số các chương trình học đều áp dụng quy trình tuyển chọn dựa trên năng lực. Kết quả kỳ thi tập trung của tiểu bang/vùng lãnh thổ sẽ được xếp hạng giữa các học sinh thi trong cùng năm đó, và việc xét tuyển sẽ dựa trên kết quả này.

Điều này cũng đồng nghĩa với việc điểm sàn xét tuyển mỗi năm sẽ khác nhau, và cũng sẽ có sự khác biệt giữa các chương trình học và đào tạo.

Việc xét tuyển đại học tại Úc sử dụng một hệ thống phân quyền. Có nhiều trung tâm xét tuyển khác nhau cùng tham gia vào việc tuyển chọn các ứng viên phù hợp:

- Trung tâm Xét tuyển Đại học Victoria (VTAC) chịu trách nhiệm xử lý các hồ sơ ứng tuyển vào các trường đại học và cao đẳng ở tiểu bang Victoria cũng như trường Đại học Charles Sturt (NSW).

- Trung tâm Xét tuyển Đại học Queenslad (QTAC) chịu trách nhiệm về quá trình xét tuyển và cung cấp thông tin cho các sinh viên tương lai của tất cả các trường đại học tại tiểu bang Queenslad (bao gồm trường Đại học Tư nhân Bond) và cho một vài chương trình Đại học tại New South Wales.

- Trung tâm Xét tuyển đại học Nam Úc (SATAC) sắp xếp hồ sơ ứng tuyển cho 4 trường đại học tại Nam úc và Lãnh thổ Bắc (Trường Đại học Charles Darwin, Trường Đại học Flinders – Nam Úc, Trường đại học Adelaide, Trường đại học Nam Úc) và cho các trường cao đẳng tại Nam Úc.

- Trung tâm Quản lý Đại học (UAC) chịu trách nhiệm xử lý các đơn ứng tuyển đại học của tất cả các trường trong lãnh thổ Thủ đô Úc và tiểu bang New South Wales.

- Trung tâm Dịch vụ Đại học (TISC) chịu trách nhiệm về quá trình xét tuyển đại học của các trường tại Tây Úc.

- Trường Đại học Tasmania và Trường đại học Notre Dame tự thực hiện việc xét tuyển chứ không thông qua một trung tâm trung gian.

Các trung tâm phía trên chủ yếu chỉ xử lý các đơn ứng tuyển đại học, tuy nhiên một vài trong số đó, ví dụ như UAC, cũng chịu trách nhiệm cho các chương trình sau đại học. Hơn nữa, các trung tâm này sẽ tính điểm xét tuyển (từ năm 2010, điểm này được gọi là ATAR) và cấp điểm ATAR cho các học sinh (trừ tiểu bang Queensland). Họ cũng tổ chức một vài kỳ thi xét tuyển nhất định, như Kỳ thi Xét tuyển Đại học Đặc biệt (STAT) hướng tới các học viên đã trưởng thành, nhằm kiểm tra kỹ năng nghiên cứu phân tích và khả năng Tiếng Anh.

## **ATAR**

Xếp hạng Xét tuyển Đại học Úc (ATAR) đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình xét tuyển. Thông tin này được thể hiện dưới dạng số, trong khoảng từ 0 đến 99.95. ATAR không phải điểm số, mà là một bảng xếp hạng so sánh kết quả của các học sinh trong cùng năm học.

Cho tới năm 2009, ATAR đã từng có rất nhiều tên gọi khác nhau tại các tiểu bang:

- Chỉ số Xét tuyển Đại học (UAI) tại New South Wales và Lãnh thổ Thủ đô Úc.
- Xếp hạng Đầu vào Đại học Tương đương (ENTER) tại tiểu bang Victoria.
- Xếp hạng Đầu vào Đại học (TER) tại Nam Úc, Tây Úc, Lãnh thổ Bắc và Tasmania.

Tại Queensland, chỉ số tương đương với ATAR được gọi là Vị trí Tổng quan (OP). Bảng xếp hạng này được sử dụng cho các học sinh lớp 12 (điểm từ 1 – 25, với 1 là số điểm cao nhất). Ngoài ra Bảng xếp hạng Chọn lọc (1 – 99) cũng đóng vai trò rất quan trọng với các học sinh khác. Tiểu bang này cũng sử dụng một hệ thống điểm thưởng.

Các bảng xếp hạng OP được tính toán và ban hành bởi Cơ quan Nghiên cứu Queensland (QSA) trong một Bản tuyên bố Đầu vào Đại học. 20% các học sinh đứng đầu thường sẽ nằm trong khoảng điểm 1 – 6, và 75% học sinh còn lại sẽ có số điểm 7 – 21. Chỉ những học sinh đã hoàn thành 20 kỳ học với các môn căn bản và tham gia kỳ thi QCS mới có điểm OP. Thông tin chi tiết có thể được tìm thấy trên website của Cơ quan Nghiên cứu Queensland.

Queensland là tiểu bang duy nhất không sử dụng hệ điểm ATAR. Một bảng chuyển đổi sẽ được sử dụng để chuyển từ điểm của tiểu bang Queensland sang hệ điểm ATAR.

Chỉ có những học sinh đạt đủ yêu cầu mới được nhận điểm ATAR. Việc hoàn thành một số môn học là bắt buộc (10 môn học ATAR của NSW) và điểm sẽ được tính dựa trên kết quả của ít nhất 2 môn học Tiếng Anh và 8 môn học khác. Khoản cắt giảm của các trường đại học thể hiện điểm ATAR tối thiểu được yêu cầu với mỗi chương trình. Các khoản này có thể thay đổi tùy thuộc vào cơ quan, khu vực nghiên cứu và chương trình học.

Các chương trình danh dự và chương trình cử nhân ngành y (điều dưỡng, vật lý trị liệu, tâm lý học) sẽ yêu cầu mức điểm cao hơn.

Ngoài ra, học sinh cũng có thể nhận thêm điểm cộng cùng với điểm ATAR dựa trên mã bưu điện (điểm cộng khu vực) hoặc dựa trên kết quả xuất sắc của một vài môn học liên quan trong năm lớp 12 (điểm cộng môn học).

Để phục vụ cho việc xét tuyển, các cơ quan sẽ đưa ra một số yêu cầu tối thiểu mà học sinh sẽ phải đáp ứng: có thể là yêu cầu về một số môn học nhất định, ví dụ như Tiếng anh và Toán, hoặc yêu cầu tham gia một buổi phỏng vấn hoặc thử giọng.

#### **IV. Giáo dục Đại học**

Tại Úc, giáo dục đại học được cung cấp bởi các trường đại học “tự kiểm định chất lượng” (nghĩa là trường đó sẽ tự chịu trách nhiệm về chất lượng dạy học cũng như chất lượng bằng cấp của mình), và bởi các cơ quan ngoài đại học phụ trách Giáo dục Nghề nghiệp, hay còn gọi là các “Cơ quan giáo giục Đại học không tự kiểm định chất lượng”. Các trường đại học tại Úc đều là trường công, ngoại trừ 2 trường tư nhân là Đại học Bond và Đại học Notre Dame. Với các cơ quan ngoài đại học phụ trách Giáo dục nghề nghiệp, tuy có một số lớn thuộc tư nhân, nhưng chủ yếu vẫn là các trường công lập.

Trước năm 1990, Úc có hệ thống giáo dục nhị phân, với các trường Cao đẳng Giáo dục Tiên tiến cung cấp các Chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và các trường đại học chịu trách nhiệm về chương trình theo định hướng nghiên cứu. Năm 1990, cả hai loại hình đều trở thành các trường đại học, có khả năng cung cấp cả chương trình học thuật và chương trình nghề nghiệp.

Giáo dục đại học ở Úc được đặc trưng bởi mức độ đa dạng và tính linh hoạt cao. Các chính sách giáo dục đều hướng tới tạo điều kiện thuận lợi để liên thông giữa các loại hình giáo dục khác nhau, ví dụ như giữa giáo dục hậu trung học loại MBO và giáo dục đại học. Điều này không chỉ cho phép mọi người từ các nền giáo dục khác nhau có thể tiến tới giáo dục đại học, mà còn thúc đẩy các trường đại học cung cấp thêm các chương trình giáo dục nghề nghiệp và không cấp bằng (Dạy và đạo tạo Nghề).

Việc cung cấp các khóa học của Úc thông qua giáo dục xuyên quốc gia đang ngày càng phổ biến. Theo Khung Chiến lược Chất lượng Xuyên Quốc gia được thông qua bởi các Bộ trưởng Bộ Giáo dục của Úc vào năm 2005, các khóa học xuyên quốc gia của Úc có chất lượng tương đương với các chương trình học trong nội địa.

AusLIST là công cụ tìm kiếm các chương trình học của Úc được giảng dạy xuyên quốc gia. Danh sách này được phát triển vào năm 2008 để tìm kiếm các nhà cung cấp của Úc tại nước ngoài. Tuy nhiên danh sách hiện vẫn chưa hoàn chỉnh vì việc đăng ký tham gia là tự nguyện, và không bao gồm các khóa học online cũng như giáo dục từ xa.



## V. Giáo dục Đại học

Úc hiện có 43 trường đại học “tự kiểm định chất lượng”, và rất nhiều cơ quan ngoài đại học giảng dạy giáo dục nghề nghiệp. Theo nguyên tắc, các văn bằng được cấp bởi cả hai loại trường học này đều có giá trị tương đương nhau.

Giáo dục đại học tại Úc chú trọng vào việc phát triển tư duy phản biện và các hoạt động trí tuệ độc lập. Sinh viên được tự do lựa chọn và sắp xếp chương trình học của mình nhưng vẫn phải đáp ứng đủ các yêu cầu về số tín chỉ cần đạt ở từng cấp nhất định. Đa số các chương trình học đều bao gồm các môn cơ sở và tiến dần lên các môn chuyên ngành. Khóa Cử nhân tại Úc thường kết hợp các yếu tố học thuật và thực tiễn, vậy nên rất khó để có thể so sánh một cách rõ ràng với bằng HBO và WO của Hà Lan.

### 1. Bằng Đại học

Bằng Đại học là văn bằng đầu tiên được trao tại hầu hết các trường đại học Úc, với các loại hình vô cùng đa dạng. Bằng Đại học thường được trao sau khi sinh viên hoàn thành chương trình học toàn thời gian kéo dài 3 năm ở các lĩnh vực nghệ thuật và khoa học. Một vài chương trình cử nhân chuyên nghiệp kéo dài 4 năm, trong các ngành như luật, kỹ thuật và công tác xã hội, và bằng được trao thường có tên gọi là Cử nhân Luật, Cử nhân Công tác Xã hội,... Độ dài của khóa học có thể được kiểm tra trực tuyến hoặc thông qua các nguồn khác. Mã môn học thường thể hiện số năm học của chương trình: 3, 4 năm nhiều hơn. Mỗi cơ quan trường học sẽ có một hệ mã khác nhau, nhưng thường một trong những chữ số sẽ được sử dụng để chỉ ra môn học này thuộc năm nhất, năm hai hay năm ba, năm bốn.

Nội dung của chương trình Đại học chú trọng vào chuyên ngành. Nói chung, Bằng Đại học Úc không bao gồm các phần đại cương.

Bên cạnh bằng cử nhân thường, sinh viên cũng có thể đạt bằng Cử nhân Danh dự. Bằng này sẽ được trao sau khi hoàn thành thêm một năm nghiên cứu đối với các sinh viên đạt kết quả tốt sau 3 năm đại học, hoặc sau khi hoàn thành trọn vẹn một chương trình học thử thách hơn dài 4 năm dành cho các sinh viên tiềm năng. Năm học danh dự chủ yếu nhằm mục đích bổ sung kiến thức về các kỹ thuật nghiên cứu cần thiết cho nghiên cứu sau đại học. Bằng Danh dự cũng được chia thành Loại Một và Loại Hai. Các sinh viên đầu bằng đạt bằng danh dự Loại Một hoặc Loại Hai sẽ được tuyển thẳng vào các chương trình Tiến sĩ.

Các trường Đại học Úc cũng cấp bằng cử nhân kép, với các môn học thuộc 2 mảng khác nhau. Chương trình học này thường kéo dài tới 5 năm, và sinh viên khi ra trường sẽ được cấp bằng cử nhân của 2 chuyên ngành. Bằng Cử nhân kép có ở rất nhiều lĩnh vực, và các trường đại học được quyền tự quyết định nội dung cũng như độ dài của từng chương trình học.

Lưu ý: Bằng cử nhân thường không bao gồm phần nghiên cứu. Vì vậy, sinh viên nên học lên Bằng Cử nhân Danh dự để được xét tuyển vào các chương trình Thạc sĩ WO tại Hà Lan.

## **2. Bằng Thạc sĩ**

Bằng Thạc sĩ thường được trao khi hoàn thành chương trình 2 năm sau đại học và/hoặc chương trình nghiên cứu sau khóa cử nhân dài 3 năm (hoặc 1 năm sau 4 năm đại học). Chương trình học Thạc sĩ tại Úc được chia làm 2 loại: Bằng thạc sĩ Nghiên cứu dựa trên các nghiên cứu và một bài luận văn cuối khóa, và Bằng thạc sĩ Ứng dụng dựa trên việc tham gia các môn học và, trong đa số các trường hợp, thực hiện nghiên cứu. Bằng Thạc sĩ Nghiên cứu được kiểm định chặt chẽ và thường được lựa chọn bởi các sinh viên hướng tới việc học lên văn bằng Tiến sĩ.

## **3. Bằng Tiến sĩ**

Tất cả các trường đại học ở Úc đều cung cấp các chương trình học cho tới bậc Tiến sĩ (AQF cấp 10). Để đủ điều kiện xét tuyển, các ứng viên tối thiểu phải hoàn thành chương trình cử nhân danh dự (IIA) hoặc chương trình thạc sĩ (trong hầu hết các trường hợp là Thạc sĩ Nghiên cứu) trong một ngành liên quan. Thời gian học của các học vị tiến sĩ có thể khác nhau và thường kéo dài từ 2 đến 4 năm.

Nhìn chung, một chương trình tiến sĩ có thể được hoàn thành trong vòng 3 năm học tập và nghiên cứu.

## **VI. Giáo dục Cao đẳng Nghề**

Ngoại trừ một vài trường hợp cá biệt, hầu hết các trường Cao đẳng Nghề ngoài đại học là các trường “không tự kiểm định chất lượng” và được giám sát bởi các cơ quan có thẩm quyền trong tiểu bang hoặc vùng lãnh thổ. Đa số các trường này cung cấp chương trình học ở khắp các lĩnh vực kỹ thuật, quản trị kinh doanh, diễn xuất, du lịch và khách sạn, âm nhạc, tôn giáo và thần học, và sư phạm, với độ dài ngắn khác nhau. Ngoài bằng cử nhân, thạc sĩ và trong một số trường hợp là cả tiến sĩ, các trường này cũng có thể trao các Chứng chỉ thường, Chứng chỉ Tiên tiến và Chứng chỉ Tốt nghiệp, với chương trình học kéo dài từ 1 – 2 năm. Chứng chỉ thường và Chứng chỉ Tiên tiến là các chứng nhận về giáo dục có thể được trao ở mảng Dạy và Đào tạo nghề hoặc mảng Giáo dục Đại học.

Sinh viên có Chứng chỉ Tiên tiến có thể được miễn giảm khi tham gia chương trình học bậc Cử nhân. Với số lượng lớn các chứng chỉ và văn bằng được cung cấp bởi các trường ngoài đại học, rất khó để có thể tìm được một sự so sánh rõ ràng, tương đương. Một chứng chỉ thường hoặc chứng chỉ tiên tiến có thể ở bậc MBO hoặc HBO, tùy thuộc vào mảng và trình độ của chương trình học tại Úc. Một Chứng chỉ Tốt nghiệp sẽ ở cấp thấp hơn một Chứng chỉ Thạc sĩ của Úc.

## **VII. Hệ thống Đánh giá**

Các trường đại học tại Úc sử dụng một loạt các hệ thống để thể hiện điểm và tín chỉ. 3 hệ thống phổ biến nhất được giải thích dưới đây. Hầu hết các trường đại học ban hành các ghi chú về hệ thống điểm trong một văn bản riêng, hoặc giải thích trên mặt sau của bảng kết quả. Việc chuyển đổi tín chỉ giữa các trường đại học sẽ dựa trên cơ sở của từng trường hợp cụ thể.

<b>In percentages</b>	<b>Description</b>	<b>Meaning</b>
80 – 100% (85 – 100%)	High distinction	Very good – excellent
70 – 79% (75 – 84%)	Distinction	Good
60 – 69% (65 – 74%)	Credit	Quite satisfactory
50 – 59% (50 – 64%)	Pass	Satisfactory
0 – 49%	Fail	Unsatisfactory

Ngoài ra cũng có một hệ thống đánh giá sử dụng chữ cái (A – E, với A là điểm cao nhất) và một hệ điểm sử dụng chữ số (1 – 7, với 7 là điểm cao nhất).

Úc không có một hệ điểm chung. Thông tin về hệ thống được sử dụng trong một trường đại học cụ thể thường được cung cấp trong bản hướng dẫn khóa học (lich học).

### **VIII. Khung trình độ**

Khung trình độ Úc (AQF) là một chính sách quốc gia quy định về các văn bằng trong giáo dục và đào tạo tại Úc. AQF được ban hành vào 1/1/1995 để làm cơ sở cho hệ thống các văn bằng chứng chỉ quốc gia về giáo dục đại học, và giáo dục nghề nghiệp tại Úc. Chính sách này đã được thực hiện trong hơn 5 năm, với việc thi hành một cách hoàn thiện vào tháng 1 năm 2000. AQF đã thay thế Sổ tay về Giáo dục Đại học và Cao đẳng Úc (RATE) vào năm 1995. Có 10 cấp trong AQF, với cấp 1 là cơ bản nhất và AQF cấp 10 là khó và phức tạp nhất. Các cấp được xác định bởi các tiêu chí, thể hiện dưới dạng kết quả học tập. Có 16 loại chứng chỉ AQF khác nhau ở tất cả các mảng giáo dục và đào tạo, và mỗi loại đều tương ứng với 1 trong 10 cấp (trừ Bằng Tốt nghiệp Trung học Phổ thông). Các thông tin cụ thể hơn về AQF có thể được tìm thấy trên website của AQF.

Các lợi thế của AQF bao gồm: giáo dục trọn đời được ủng hộ và củng cố; các văn bằng được công nhận trên khắp cả nước; mọi người đều có thể hiểu được tên mỗi văn bằng và cấp bậc có ý nghĩa gì; mỗi văn bằng đều được chuẩn hóa để đảm bảo tính nhất quán trong việc kiểm định chất lượng văn bằng, và danh sách các tổ chức giáo dục và đào tạo đã đăng ký cũng như các khóa học đã được kiểm định đảm bảo rằng các khóa học và tổ chức đó đã được phê duyệt bởi chính phủ.

Thông tin đầy đủ về các hệ thống văn bằng trước đó có thể được tìm thấy trên Website Giáo dục Quốc tế của Úc.

### **IX. Bảo đảm và kiểm định chất lượng**

Từ tháng 1 năm 2012, Cơ quan Thẩm định Chất lượng Giáo dục Đại học (TEQSA) đã trở thành cơ quan đảm bảo chất lượng cho mảng giáo dục đại học mới của Úc, thay thế cho Cơ quan Thẩm định Chất lượng các Trường Đại học Úc (AUQA). TEQSA ghi chép về

các tổ chức và chúng nhận các khóa học dựa trên cơ sở Khung Tiêu chuẩn Giáo dục Đại học (HEFS). HESF bao gồm 5 tiêu chuẩn khác nhau, cụ thể là các tiêu chuẩn của tổ chức cung cấp, tiêu chuẩn về bằng cấp, tiêu chuẩn dạy vào học, tiêu chuẩn về nghiên cứu và tiêu chuẩn về thông tin.

Danh sách đăng ký quốc gia của TEQSA có tất cả các khóa học đã được công nhận, đồng thời phân biệt giữa các loại trường cung cấp khác nhau: Các trường đại học Úc, Các trường Cao đẳng Úc, Các trường đại học Chuyên ngành Úc, Các trường đại học nước ngoài hoặc Các trường đại học Chuyên ngành ở nước ngoài.

Khi một tổ chức đã được công nhận, tổ chức ấy cũng sẽ được đăng ký trong Khung Trình độ Úc (AQF). AQF phân biệt giữa các tổ chức (thường là trường đại học) tự kiểm định chất lượng và các trường đại học không tự kiểm định chất lượng. Các trường tự kiểm định chất lượng có thể tự phát triển và cung cấp các chương trình học riêng, cũng như có thể tự chịu trách nhiệm về đảm bảo chất lượng. Việc tham khảo các cơ quan kinh doanh và chuyên môn là một phần trong quá trình này. Các khóa học thường sẽ được duyệt lại sau mỗi 5 năm để có thể tiếp tục được công nhận.

Các trường đại học phải đăng ký với TEQSA và đáp ứng đủ các yêu cầu để có thể trở thành một trường tự kiểm định chất lượng.

Website của AQF có thể được tham khảo để kiểm tra về sự chất lượng của một trường học hoặc một chương trình học được cung cấp bởi một trường “không tự kiểm định chất lượng”.

Từ tháng 7 năm 2011, Cơ quan về Chất lượng Kỹ năng tại Úc (ASQA) đã trở thành cơ quan quản lý quốc gia về dạy và đào tạo nghề. ASQA chịu trách nhiệm quản lý Các Tổ chức Đào tạo đã Đăng ký (RTOs) trên khắp các tiểu bang ở Úc (ACT, NSW, NT, SA, QLD and TAS) và ở nước ngoài.

TEQSA and AQSA đều chịu trách nhiệm đảm bảo các hoạt động tại nước ngoài của các trường đại học Úc đáp ứng những tiêu chuẩn quốc gia về đảm bảo chất lượng (giáo dục xuyên quốc gia).

Úc không có một hệ thống xếp hạng chính thức.

## **X. Hiệp ước quốc tế**

Úc đã ký Hiệp ước Lisbon vào năm 2000 và phê chuẩn vào năm 2002.

## **XI. Phụ lục văn bằng**

Bản Chứng nhận Tốt Nghiệp Đại Học của Úc (AHEGS) tương đương với Phụ lục Văn bằng Châu Âu, được làm theo mẫu đã chuẩn hóa và bao gồm 5 phần: Tốt nghiệp, Giải thưởng, Tổ chức trao giải, Các thành tựu học thuật của sinh viên tốt nghiệp và một phần mô tả Hệ thống Giáo dục của Úc.

Các thông tin chi tiết hơn về AHEGS có thể được tìm thấy trên website của Sở Công nghiệp, Cải cách, Khoa học, Nghiên cứu và Giáo dục Đại học, Cao đẳng.

Bản Chứng nhận sử dụng logo của AHEGS. AHEGS được ban hành bởi các trường đại học Úc từ khoảng cuối năm 2010. Các mẫu AHEGS khác nhau có thể được tìm thấy trên website của trường đại học Griffith.

## **XII. Bộ hồ sơ**

Chứng nhận Tốt nghiệp Trung học Phổ thông được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của mỗi tiểu bang:

- New South Wales: Ban Nghiên Cứu
- Victoria: Cơ quan Giảng dạy và Thẩm định Victoria
- Nam Úc: Ban Thẩm định Trung học Phổ thông Nam Úc
- Queensland: Ban Nghiên cứu Queensland
- Tây Úc: Hội đồng Giảng dạy
- Lãnh thổ Thủ đô Úc: Ban Nghiên cứu Phổ thông Trung học ACT
- Tasmania: Cơ quan Chức năng Tasmania
- Lãnh thổ Bắc: Ban Nghiên cứu
- Tại Úc, các trường đại học thường cấp bằng điểm chính thức và một giấy chứng nhận.

### **Tính xác thực**

Một số trường đại học cho phép tham khảo danh sách đăng ký với đầy đủ tên các sinh viên tốt nghiệp mỗi năm.

## **XIII. Danh sách các trường đại học-**

Danh sách đầy đủ 43 trường đại học được công nhận và “tự kiểm định chất lượng”:

- Australian Catholic University
- Australian Film Television and Radio School
- Australian Maritime College (từ năm 2008 đã sát nhập với University of Tasmania)
- Australian National University \*\*\*
- Batchelor Institute of Indigenous Tertiary Educaion
- Bond University
- Central Queensland University
- Charles Darwin University
- Charles Sturt University
- Curtin University of Technology
- Deakin University
- Edith Cowan University
- Flinders University of South Australia
- Griffith University
- James Cook University of North Queensland

- La Trobe University
- Macquarie University
- Melbourne College of Divinity
- Monash University \*\*\*
- Murdoch University
- Queensland University of Technology
- RMIT University
- Southern Cross University
- Swinburne University of Technology
- University of Adelaide \*\*\*
- University of Ballarat
- University of Canberra
- University of Melbourne \*\*\*
- University of New England
- University of New South Wales \*\*\*
- University of Newcastle
- University of Notre Dame, Australia
- University of Queensland \*\*\*
- University of South Australia
- University of Nam Queensland
- University of Sunshine Coast
- University of Sydney \*\*\*
- University of Tasmania (bao gồm Australian Maritime College)
- University of Công nghệ Sydney
- University of Tây Úc \*\*\*
- University of Tây Sydney
- University of Wollongong
- Victoria University

Các trường đại học có dấu “\*\*\*” là các trường thuộc “Nhóm 8” - một liên minh các trường đại học hàng đầu của Úc, chuyên sâu về nghiên cứu và hoàn thiện giáo dục phổ thông và chuyên nghiệp. Các thông tin chi tiết có thể được tìm thấy trên website của “Nhóm 8”.

Website của Khung Trình độ Úc, với một danh sách đầy đủ các trường đại học đã được công nhận, “không tự kiểm định chất lượng”. Các trường đại học được xếp hạng theo từng tiểu bang/vùng lãnh thổ dưới mục Đăng ký và Công nhận: Đăng ký AQF.